# THE EXISTENTIAL IMPRINT ON THE HUMAN CONDITION IN NGUYEN QUANG THIEU'S SHORT STORIES

**Tran Huu Phuoc [1*], Truong Thi Yen Nhi[1], Phan Nhan[1]**

*[1]Faculty of Political Sciences, Social Sciences and Humanities, Can Tho University, Vietnam*
*Email address:* phuocm2326012@gstudent.ctu.edu.vn
**Corresponding author: Tran Huu Phuoc*
*https://doi.org/10.51453/3093-3706/2026/1465*

**ARTICLE INFO**

**Received:** 25/06/2026
**Revised:** 10/08/2026
**Published:** 28/08/2026

**KEYWORDS**

*Nguyen Quang Thieu's Short stories;*
*Existentialism;*
*Loneliness;*
*Anxiety;*
*Rebellion.*

**ABSTRACT**

This article aims to elucidate the traces of existentialism in Nguyen Quang Thieu's short stories by approaching his works through fundamental categories of existentialist thought, such as loneliness, anxiety, and rebellion. The findings indicate that the characters in several of his works are often placed in circumstances marked by profound loneliness and absurdity, through which they gain a deeper awareness of their own existence while simultaneously choosing engagement and rebellion as ways of affirming their personhood. Accordingly, this article contributes an additional approach to the study of Nguyen Quang Thieu's short stories, highlighting the intellectual depth and distinctive values of his literary works

# CON NGƯỜI MANG DẤU ẤN HIỆN SINH TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN QUANG THIỀU

**Trần Hữu Phước[1*], Trương Thị Yến Nhi[1], Phan Nhân[1]**

*[1]Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn, Đại học Cần Thơ, TP. Cần Thơ, Việt Nam*
*Địa chỉ email:phuocm2326012@gstudent.ctu.edu.vn*
*https://doi.org/10.51453/3093-3706/2026/1465*

**THÔNG TIN BÀI BÁO**

**Ngày nhận bài:** 25/06/2026
**Ngày hoàn thiện:** 10/08/2026
**Ngày đăng:** 28/08/2026

**TỪ KHÓA**

*Truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều;*
*Hiện sinh;*

**TÓM TẮT**

Bài viết được thực hiện nhằm làm rõ dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều thông qua việc tiếp cận tác phẩm từ những phạm trù cơ bản của chủ nghĩa hiện sinh như cô đơn, lo âu và nổi loạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân vật trong một số tác phẩm thường bị đặt vào những hoàn cảnh đầy nỗi cô đơn và phi lí, từ đó họ nhận thức sâu sắc hơn về sự hiện hữu của chính mình, đồng thời lựa chọn dấn thân và nổi loạn để khẳng định nhân vị. Qua đó, bài viết góp phần bổ sung một hướng tiếp cận trong việc nghiên

*Cô đơn;*
*Lo âu;*
*Nổi loạn;*

cứu truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều, làm nổi bật chiều sâu tư tưởng và giá trị đặc biệt trong sáng tác của ông.

## 1. GIỚI THIỆU

Chủ nghĩa hiện sinh là một trào lưu triết học và văn học phát triển ở châu Âu vào thế kỉ XX. Sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện sinh như một phản ứng mang tính tất yếu, đưa con người trở về với bản thể, tôn trọng những suy tư nội tâm và những ý nghĩa về đời sống nội tại. Từ phương Tây, triết thuyết này đã vươn lên mạnh mẽ và bắt đầu bén rễ sang phương Đông trong đó có Việt Nam vào những thập niên 1950, 1960 của thế kỉ XX tại miền Nam.

Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu những sáng tác của Nguyễn Quang Thiều cũng được tiếp nhận từ các lí thuyết như trần thuật học, thi pháp học, phê bình sinh thái,… Tuy nhiên, vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu và phân tích một cách sâu sắc sáng tác truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều từ góc nhìn của chủ nghĩa hiện sinh. Vì thế, việc nghiên cứu dấu ấn hiện sinh trong truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều không chỉ cần thiết mà còn phù hợp với quá trình nghiên cứu văn học dân tộc. Để từ đó thấy được giá trị và tầm quan trọng của việc vận dụng lí thuyết chủ nghĩa hiện sinh vào trong nghiên cứu văn học nói chung và truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều nói riêng.

Do đó, chúng tôi thực hiện bài viết này trên cơ sở kế thừa từ những công trình nghiên cứu trước đó. Qua đó, góp thêm một phát hiện mới trong việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện sinh nói chung và sáng tác truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Quang Thiều nói riêng.

## 2. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Đối với những công trình nghiên cứu dấu ấn hiện sinh trong văn học, chúng ta có thể kể đến một số công trình như Luận án tiến sĩ *Cảm thức hiện sinh trong truyện ngắn Việt Nam từ năm 1986 - 2010* của Trần Nhật Thu (Trần Nhật Thu, 2016) Luận án được thực hiện với mục tiêu chỉ ra được dấu ấn hiện sinh trong các sáng tác truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1986 - 2010 trên cả hai phương diện là nội dung và nghệ thuật. Đây được xem là một nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu chủ nghĩa hiện sinh trong sáng tác truyện ngắn của một số tác giả trong giai đoạn văn học Việt Nam sau 1986.

Bên cạnh nghiên cứu trên, trong công trình *Cảm hứng hiện sinh trong sáng tác của Nguyễn Thị Thụy Vũ* của Ngô Thị Diệm (Ngô Thị Diệm, 2022) người nghiên cứu đã chỉ ra dấu ấn hiện sinh trong sáng tác của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Tuy không phải là những sáng tác điển hình của chủ nghĩa hiện sinh, nhưng sáng tác của Nguyễn Thị Thụy Vũ vẫn là nơi gửi gắm những suy tư, trải nghiệm và trăn trở của con người trước thực tại cuộc sống

Cùng vấn đề nghiên cứu trên, bài viết *Dấu ấn hiện sinh trong tiểu thuyết Cõi nhân gian của Nguyễn Phúc Lộc Thành* của Nguyễn Minh Tâm (Nguyễn Minh Tâm, 2023). Trong nghiên cứu trên, người nghiên cứu đã tập trung phân tích yếu tố hiện sinh qua những nhân vật được đặt ở bối cảnh của một giai đoạn xã hội với những nỗi day dứt về thân phận. Qua đó, việc phân tích tác phẩm dưới góc nhìn chủ nghĩa hiện sinh cũng đã làm nổi bật những thông điệp tích cực về thái độ sống và quyền tự do lựa chọn mà Nguyễn Phúc Lộc Thành gửi gắm qua tác phẩm.



Email: sjttu@tqu.edu.vn

Song song với đó, khi nhắc đến những công trình nghiên cứu sáng tác của Nguyễn Quang Thiều từ góc nhìn của chủ nghĩa hiện sinh, chúng ta không thể nào không nhắc đến bài viết *Dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong Những người đàn bà gánh nước sông của Nguyễn Quang Thiều* của Đoàn Thị Hạnh (Đoàn Thị Hạnh, 2020). Ở bài viết này, người viết đã chỉ ra dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh qua nỗi cô đơn mang tính nhân văn trong bài thơ *Những người đàn bà gánh nước sông*. Từ những thân phận cơ cực của những người lao động ở vùng sông Đáy, đã giúp con người tự hiểu mình và nhận ra được giá trị chân chính của cuộc sống.

Từ một số công trình nghiên cứu trên có thể thấy, việc nghiên cứu dấu ấn hiện sinh trong văn học nói chung và sáng tác của Nguyễn Quang Thiều nói riêng đã và đang được quan tâm. Tuy nhiên vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu dấu ấn hiện sinh trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều. Từ việc kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đó, bài viết được thực hiện có ý nghĩa khoa học nhất định trong việc tiếp cận truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều từ góc nhìn của chủ nghĩa hiện sinh.

## 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi sử dụng những phương pháp nghiên cứu như:

*Phương pháp phân tích tổng hợp*: Vận dụng phương pháp này nhằm phân tích một cách cụ thể đối tượng nghiên cứu, cũng như tổng hợp và khái quát dấu ấn hiện sinh trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều.

*Phương pháp hệ thống:* Phương pháp này được vận dụng với mục đích hệ thống hóa các biểu hiện của dấu ấn hiện sinh trong truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều, đồng thời xây dựng kết cấu bài viết hoàn chỉnh.

*Phương pháp nghiên cứu liên ngành*: Phương pháp này được vận dụng thông qua sự kết hợp giữa tri thức văn học với triết học (triết học hiện sinh), nhằm làm rõ dấu ấn hiện sinh trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều.

## 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 4.1. Khái quát về chủ nghĩa hiện sinh

Chủ nghĩa hiện sinh (existentialism) là một triết thuyết và đồng thời là một trào lưu văn học ra đời vào thế kỉ XX ở châu Âu. Triết gia Kierkegaard được suy tôn là nhà triết học hiện sinh đầu tiên "*Kierkegaard người mở đường lập chủ nghĩa hiện sinh đã kế thừa những di sản tư tưởng cần thiết của triết học Đức để đặt nền móng cho học thuyết của mình*" (Nguyễn Tiến Dũng, 1999). Vào ngày 29 tháng 11 năm 1945, Sartre đã sử dụng thuật ngữ "chủ nghĩa hiện sinh" trong bài phát biểu của mình và kể từ khi tác phẩm *Thuyết* ***hiện sinh là một thuyết nhân bản*** (*L'existentialisme est un humanisme*) của Sartre được xuất bản "*chủ nghĩa hiện sinh trở nên nổi tiếng và lan tỏa nhanh chóng, thu hút sự quan tâm của giới tri thức và văn nghệ lúc bấy giờ*" (Đoàn Thị Hạnh, 2022).

Chủ nghĩa hiện sinh được định nghĩa là triết thuyết "*có đặc điểm nhấn mạnh vào sự hiện hữu của con người"* (P. Foulquie, 1962). Bên cạnh đó, trong công trình *Triết học hiện sinh* của Trần Thái Đỉnh, chủ nghĩa hiện sinh cũng được hiểu "*là triết học về ý nghĩa cuộc nhân sinh và nói tắt là triết học về con người*" (Trần Thái Đỉnh, 2005). Từ đó có thể thấy, chủ nghĩa hiện sinh là một nền tảng tư tưởng đề cập đến nỗi trăn trở của con người về thân phận



Email: sjttu@tqu.edu.vn

để nhìn nhận rõ cái buồn nôn, phi lý của cuộc đời. Đồng thời, hướng đến đánh thức con người vươn lên, từ bỏ lối sống dửng dưng như một sự vật để bắt đầu một nhân vị tự do và tự đảm nhận. Hay nói cách khác vấn đề trung tâm của chủ nghĩa hiện sinh là "*con người như một nhân vị*" (Nguyễn Tiến Dũng, 1999). Trước khi trở thành một triết thuyết đúng nghĩa, chủ nghĩa hiện sinh đã kế thừa nhiều di sản tư tưởng trước đó nhưng hiện tượng học của Husserl lại có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với chủ nghĩa hiện sinh bởi "*hiện tượng học cung cấp cho chủ nghĩa hiện sinh một lý thuyết để trở thành triết học chứ không phải chỉ là một phương pháp coi như một công cụ nhận thức để vũ trang cho các nhà hiện sinh"* (Nguyễn Tiến Dũng, 1999).

Đối với văn học, chủ nghĩa hiện sinh thể hiện rõ nhất như một trào lưu văn học "*Để hiểu chủ nghĩa hiện sinh thì phải biết văn học của nó. Văn học hiện sinh được xem như triết học hiện sinh*" (Nguyễn Tiến Dũng & Bùi Đăng Duy, 2005). Các đại diện của chủ nghĩa hiện sinh không chỉ trình bày hệ thống quan điểm của mình thông qua những tiểu luận triết học mà nó còn được thể hiện dưới hình thức những sáng tác nghệ thuật như kịch hoặc tiểu thuyết,... bởi vì các triết gia hiện sinh chủ trương hướng đến việc hiểu biết một cách cụ thể cái trừu tượng. Chính trong sự giao thoa giữa phương thức biểu đạt của văn chương và phương pháp của triết học mà đường biên giữa nhà văn và nhà triết học dường như trở thành một ranh giới nhòe. Đồng thời, tạo nên những khái niệm mới như nhà văn hiện sinh, văn học hiện sinh.

*Ngay tại Việt Nam, chủ nghĩa hiện sinh đã xuất hiện trong đời sống văn nghệ ở miền Nam Việt Nam vào những thập niên 1950, 1960 của thế kỉ XX "*Để chọn một lí thuyết triết học và mĩ học được du nhập và có ảnh hưởng rộng rãi nhất trong lí luận và sáng tác văn học miền Nam Việt Nam những năm 1954 - 1975, có lẽ nhiều người sẽ không ngần ngại chọn chủ nghĩa hiện sinh*" (Huỳnh Như Phương, 2008). Triết thuyết này* đã nhanh chóng lan tỏa, không chỉ dừng lại như một học thuyết mà nó đã trở thành một trào lưu thời thượng đi vào nhiều phương diện trong đời sống xã hội "*Trong những lí thuyết và trào lưu tư tưởng được tiếp nhận ở miền Nam Việt Nam những năm 1954 -1975, có lẽ chủ nghĩa hiện sinh để lại ảnh hưởng rộng rãi, lâu dài nhất trong đời sống văn nghệ*" (Lã Nguyên, 2020). Bên cạnh những tiếp nhận tích cực thì triết thuyết này cũng vấp phải những phản đối mạnh mẽ. Thậm chí, trong một giai đoạn, triết thuyết này bị nhìn nhận là nọc độc của tư tưởng thực dân. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, đời sống văn học Việt Nam đã có sự cởi mở trong việc tiếp nhận các trường phái lí luận phê bình, trong đó có chủ nghĩa hiện sinh. Các tài liệu liên quan đến chủ nghĩa hiện sinh được phổ biến và dịch thuật. Đồng thời, những công trình nghiên cứu các tác phẩm văn học từ góc nhìn hiện sinh cũng được một số nhà nghiên cứu lựa chọn thực hiện. Chính ở điểm này, chủ nghĩa hiện sinh đã khẳng định được khả năng thích ứng trong không gian văn học, trở thành một trong những nguồn mạch tư tưởng đào sâu vào bản chất con người trong thế giới hiện đại đầy biến động.

### 4.2. Con người cô đơn

*Sartre xem con người như một con vật bị bỏ rơi, bị đặt trong một thế giới bơ vơ và cô đơn. Từ hư vô, con người bị đưa vào đời sống và tự họ phải định vị chính bản thân mình. Vì thế, trên hành trình trở thành một nhân vị độc đáo, con người sẽ không thể tránh khỏi cảm*



Email: sjttu@tqu.edu.vn

*giác cô đơn. N*ỗi cô đơn không đơn thuần là trạng thái tâm lí mà nó còn gắn với ý thức về sự hữu hạn và vô định của tồn tại. Sartre cho rằng "*con người là những gì mà nó tự tạo nên*" (Jean Paul Sartre, 2018). Tuy nhiên, nỗi cô đơn trong một số tác phẩm của nhà văn không phải là nỗi cô đơn dẫn nhân vật đến sự phi lý, bế tắc hay tha hóa tuyệt đối mà nó trở thành động lực để con người tìm kiếm sự gắn kết với tha nhân và đời sống.

Trong tác phẩm *Mưa ấm*, nỗi cô đơn hiện sinh được tập trung ở hình tượng ông Hàn nổi phố Kinh Đa bởi nhân vật phải liên tục chứng kiến sự đến và đi của những người tưởng chừng rất thân thuộc. Người vợ thân yêu bao nhiêu năm lại chọn cách rời bỏ ông, người đàn bà chài lưới bước vào cuộc sống của ông rồi biến mất, những đứa con lớn lên rồi cũng rời khỏi vòng tay của ông. Ông Hàn nổi dường như đã quen với sự ra đi đến mức không còn chất vấn, níu kéo hay oán trách. Sự im lặng ấy tạo nên một nghịch lí, bên ngoài, nhân vật có vẻ bình thản trước những biến động của cuộc sống nhưng bên trong lại là một khoảng trống ngày càng lớn. Sau nhiều năm chấp nhận sự rời đi như một điều hiển nhiên, khi người đàn bà chài lưới năm xưa quay lại, ông đã tìm cách giữ người đàn bà ấy ở lại "*Bà đừng đi nữa. Ông Hàn nói, giọng ông nghẹn lại. Lần đầu tiên trong đời ông muốn người đàn bà ở lại với ông. Lần đầu tiên ông thấy cô đơn*" (Nguyễn Quang Thiều, 2011). Hành động ấy cho thấy sự chuyển biến từ **chấp nhận nỗi cô đơn sang khát khao được gắn bó**. Nhân vật chỉ thực sự nhận ra chiều sâu của cô đơn khi đứng trước khả năng mất đi một người có ý nghĩa đối với mình.

Ngay nhan đề *Mưa ấm* cũng tạo nên một hình ảnh mang tính đối lập "mưa" gợi lạnh lẽo, buồn bã, trong khi "ấm" gợi nên sự ấm áp và kết nối. Sự kết hợp hai trường nghĩa đối lập khiến "mưa ấm" trở thành biểu tượng cho thân phận con người khi **càng khao khát hơi ấm thì lại càng ý thức về sự lạnh lẽo của chính mình**. Hành động ấy cho thấy nhân vật đã ý thức sâu sắc hơn về khoảng trống trong chính mình. Như vậy, nỗi cô đơn trong *Mưa ấm* không phải điểm kết thúc mà trở thành động lực hướng con người về phía tha nhân. Con người càng ý thức về khoảng trống trong đời sống thì càng nhận ra giá trị của một mảnh ghép có thể lấp đầy được khoảng trống ấy.

Nỗi cô đơn ấy còn được thể hiện sâu sắc hơn trong *Lời hứa của thời gian* qua hình tượng ông Miêng. Nếu ông hàn nổi cô đơn chủ yếu bởi những cuộc chia lìa trong đời sống riêng tư, thì cô đơn của ông Miêng còn mang dấu ấn của ký ức và cái chết. Ngọn đồi nơi ông sống là không gian từng chứng kiến sự hi sinh của đồng đội. Vì thế, đây không chỉ là nơi cư trú mà còn là không gian của ký ức, nơi quá khứ luôn hiện diện trong đời sống hiện tại của nhân vật. Ông Miêng sống sót trở về nhưng sự sống của ông lại gắn chặt với những người đã không thể trở về. Nếu chiến tranh để lại khoảng trống bằng sự hủy diệt thì ông Miêng đáp lại bằng hành động phủ xanh vùng đồi bằng những cây thông non. Thiên nhiên vì vậy trở thành một phương thức để con người lưu giữ ký ức và chống lại sự hư vô của thời gian. Những cây thông không thể làm người chết sống lại, nhưng chúng giúp ký ức về họ tiếp tục tồn tại trong một hình thức khác.

Sự xuất hiện của chị Hoa tiếp tục cho thấy cô đơn của ông Miêng không phải một trạng thái bất biến. Sự kết nối của chị đã giúp nhân vật bước ra khỏi thế giới vô định. Nhưng cái chết đột ngột của chị lại khiến ông trở về với khoảng trống quen thuộc. Khi con người

sống khép kín trong thế giới của riêng mình, con người có thể dần quen với sự cô độc đó nhưng khi đứng trước tha nhân, con người mới nhận diện một cách trọn vẹn độ sâu của khoảng trống mà mình đang đối diện. Đặc biệt, chi tiết chàng trai xuất hiện ở cuối truyện tạo nên một bước ngoặt quan trọng "*Và cũng chính lúc này, sự xuất hiện của chàng trai lại làm ông thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Nếu bây giờ chàng trai bỏ đi, ông sẽ gục ngã không thể đứng lên được bởi chính sự cô đơn mà bấy lâu nay ông cố vùng vẫy chống chọi. Khi chỉ có mình ông, ông không thấy hết sự cô đơn. Nhưng khi có người khác đứng trước mặt ông, ông mới nhìn thấy toàn bộ sự cô đơn khổng lồ của mình*" (Nguyễn Quang Thiều, 2011). Ông Miêng biết chàng trai không phải con mình nhưng không nói ra sự thật. Quyết định ấy không đơn thuần là một sự che giấu mà cho thấy sự lựa chọn mang tính nhân văn của nhân vật. Ông ý thức rằng sự thật có thể phá vỡ niềm hy vọng mong manh của một con người. Cái ôm cuối truyện vì thế mang ý nghĩa biểu tượng đặc biệt. Ông Miêng không thể thay đổi quá khứ, không thể đưa những người đã chết trở về và cũng không thể xóa bỏ hoàn toàn nỗi cô đơn. Nhưng sự hiện diện của chàng trai đã tạo nên một điểm tựa mới, giúp ông có thêm lí do để tiếp tục tồn tại. Nếu trước đó những người thân yêu lần lượt rời khỏi ông, thì giờ đây ông chủ động lựa chọn giữ lấy một sự gắn kết. Cái ôm vì thế không phải là sự phủ nhận cô đơn mà là hành động con người tìm cách sống cùng cô đơn bằng tình yêu thương.Vì thế, tồn tại trong đời sống "*con người không thể chỉ sống một mình mà còn là sống với người khác, đó là tha nhân*" (Trần Nhật Thu, 2016).

Thomas Flynn rằng "*cô đơn như một khả năng của sự sống*"(Thomas Flynn, 2018). Cô đơn ở đây vừa là một phần tất yếu của tồn tại, vừa là điều kiện để con người nhận thức sâu sắc hơn giá trị của sự hiện hữu. Chính vì thế, dấu ấn hiện sinh trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều được thể hiện rõ khi những nhân vật đã ý thức về sự hữu hạn và mong manh của đời sống nhưng không vì thế mà tuyệt vọng. Họ vẫn tìm kiếm một bàn tay để nắm lấy, một con người để yêu thương, một miền thiên nhiên để gắn bó và một lý do để tiếp tục tồn tại.

**4.3. Con người lo âu**

Lo âu cũng được xem là một phạm trù của chủ nghĩa hiện sinh và nó đã trở thành một khái niệm quan trọng trong tư tưởng của Kierkegaard. Đối với Kierkegaard, trong nhiều tác phẩm của mình, ông nhấn mạnh lo âu như một cơ cấu của hiện sinh thể. Trong *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản,* Sartre khẳng định nỗi lo âu là bản chất của hiện sinh và con người là sự lo âu "*Người hiện sinh sẵn sàng tuyên bố rằng con người là sự lo âu*" (Jean Paul Sartre, 2018).

Tồn tại trong đời sống, con người phải đối diện với vô số nỗi lo âu và trong đó có lo âu về cái chết. Đối với quan niệm của chủ nghĩa hiện sinh, cái chết được xem là đích đến cuối cùng trong hành trình sống của một đời người "*từ góc nhìn của một vài triết gia hiện sinh, đích cuối cùng của đời người chính là cái chết*" (Trần Nhật Thu, 2016). Heidegger cho rằng *"con người là một hữu thể hướng về cái chết"* (Trần Nhật Thu, 2016). Vì thế, đứng trước một kết quả chắc chắn sẽ xảy đến trong tương lai, con người không khỏi lo âu, bi đát cho định mệnh cuộc đời. Sự ám ảnh bởi cái chết theo những cách thức khác nhau thì con người cũng sẽ có những phản ứng khác nhau khi đối diện trước cái định mệnh nghiệt ngã này. Khi đứng

trước cái chết, đôi khi con người không cảm thấy hoang mang hay hoảng sợ mà thay vào đó là một trạng thái ưu tư. Nỗi ưu tư hiện sinh khác với nỗi sợ hãi thông thường, bởi đây "*là sự xao xuyến, băn khoăn về một tương lai đầy huyền nhiệm với bao nhiêu yếu tố chưa thành hình rõ rệt mà ở đó, mỗi người sẽ phải tự quyết định lấy cho mình*" (Trần Nhật Thu, 2016). Do đó, với vị trí là một nhân vị độc đáo, con người hiện sinh nhìn trực diện vào định mệnh của bản thân vì họ biết rằng bản thân sẽ phải tự chịu trách nhiệm về chính bản thân, không ai có thể sống thay hoặc chết thay họ được.

Trong truyện ngắn Chạy trốn khỏi vầng trăng, trạng thái ấy được biểu hiện thông qua một hình ảnh giàu tính biểu tượng là ánh trăng. Huy muốn "chạy trốn" khỏi vầng trăng, nhưng nghịch lí là càng muốn trốn chạy, nhân vật càng phải đối diện với những ám ảnh từ ánh trăng ấy. Vì thế, ánh trăng không đơn thuần là một hình ảnh thiên nhiên mà trở thành không gian phóng chiếu những khủng hoảng trong tâm thức nhân vật. Đằng sau vẻ đẹp trong trẻo của ánh trăng là sự hiện diện của cái chết, là ý thức về một đời sống mà Huy đã nhìn thấy tính hữu hạn của nó. Hơn nữa, trong ý niệm về cái chết, Huy không hình dung đó là một viễn cảnh kinh hoàng, ngược lại nhân vật tưởng tượng cái chết gắn với những hình ảnh nhẹ nhàng, gần gũi với tự nhiên "*Tôi nằm thanh thản trong ánh trăng tràn ngập không gian như chú bống nhỏ nằm trong dòng suối đầu nguồn trong vắt. Tôi sẽ quờ đôi tay như hai vây cá mỏng. Tôi nhận thấy da thịt tôi đang tan đi từng lớp. Tôi sẽ nằm lại đây mãi mãi.*" (Nguyễn Quang Thiều, 2011). Hình ảnh "*chú bống nhỏ*", "*dòng suối đầu nguồn trong vắt*", "*ánh trăng tràn ngập*" khiến cái chết được bao phủ bởi vẻ đẹp thanh sạch và gần như không còn tính chất bạo liệt. Cái chết ở đây được xem như một quá trình hòa tan cái tôi vào tự nhiên. Nhân vật ý thức rất rõ về sự tan rã của thân xác "*da thịt tôi đang tan đi từng lớp*" nhưng lại đón nhận sự tan rã ấy trong trạng thái bình thản. Khi con người không thể thay đổi quy luật hữu hạn của tồn tại, họ có thể lựa chọn cách thức để đối mặt trực diện với nó.

Tương tự, nhân vật Huy trong truyện ngắn *Ngựa trắng dù* biết mình đang mang trong cơ thể một căn bệnh liên quan đến chất độc da cam và anh cũng nhận thức được thời gian sống của mình không còn nhiều "*Anh biết, chỉ một ngày nào đó rất gần thôi, anh sẽ từ giã cõi đời. Những hạt hồng cầu ngấm chất độc da cam bắt dầu phản bội trái tim anh. Các bác sĩ không nói hết sự thật về bệnh tình cảu anh nhưng anh tự hiểu được. Anh đợi chờ cái chết với một nỗi buồn xa xăm chứ không hề có một chút hoảng sợ*" (Nguyễn Quang Thiều, 2011). Ở đây, cụm từ "*nỗi buồn xa xăm*" có ý nghĩa đặc biệt trong việc nhận diện trạng thái tâm lí của nhân vật. Nhà văn không sử dụng những biểu hiện cực đoan như hoảng loạn, tuyệt vọng hay chống cự quyết liệt mà là một thái độ bình thản. Huy biết cái chết đang đến gần nhưng không tìm cách chôn vùi suy nghĩ đó. Ngược lại, nhân vật vẫn yêu sự sống và ý thức được giá trị của những gì mình đang có. Vì thế, đây không phải sự đầu hàng cho hoàn cảnh mà là một trạng thái tự ý thức, nhân vật hiểu rằng có những điều con người không thể lựa chọn, nhưng vẫn có thể lựa chọn cách mà mình sẽ đối diện với chúng, chính vì thế con người có cơ hội để nhìn sâu sắc hơn vào bản chất hữu hạn của đời sống.

Jaspers nhận định: "*Chỉ những người quen suy tư mới có thể hiểu ý nghĩa rất mực hiện sinh của cái chết*" (Trần Thái Đỉnh, 2005). Con người lo âu bởi họ biết cuộc sống là hữu hạn,

biết cái chết là không thể tránh khỏi. Nhưng chính nhận thức ấy lại khiến họ trân trọng những gì đang có và tìm kiếm một ý nghĩa cho sự hiện hữu. Từ việc nhận thức về cái chết, con người hiểu hơn về sự sống, từ ý thức về giới hạn, con người tìm thấy giá trị của hiện hữu và từ nỗi bất an trước định mệnh, con người học cách lựa chọn một thái độ sống có ý nghĩa.

**4.4. Con người nổi loạn**

Tương tự các phạm trù như "tự do" của Sartre, "lo âu" của Heidegger hay "siêu việt" của Jaspers, phạm trù "nổi loạn" của Camus là một trong những phạm trù quan trọng của chủ nghĩa hiện sinh, Camus đưa ra khái niệm nổi loạn "*như là phản ứng hợp logic đối với cái phi lí*" (Nguyễn Tiến Dũng, 1999). Bản chất của sự nổi loạn là thái độ sống của con người khi đã nhận thức về thân phận, từ đó vươn lên để kiếm tìm giải pháp cho bản thân và khẳng định nhân vị cho chính mình. Chủ nghĩa hiện sinh quan niệm, con người phải là những cá nhân biết vươn lên ở chính bản thân theo sự lựa chọn và quyết định ở chính họ, hay nói như triết gia Heidegger "*con người là một cái gì đó vượt lên trên chính nó*" (Heidegger, 1972). Con người không giống với loài vật là vì con người luôn có chủ thể tính và tự do tính. Vì vậy, con người không thể sống dửng dưng hay sống thừa ra như cỏ cây, càng không thể sống chỉ để thực hiện chức năng sinh lí đơn thuần mà cần phải có một tinh thần nổi loạn để vươn lên và hướng đến những khát vọng của bản thân.

Trong truyện ngắn *Mùa hoa cải bên sông*, nhân vật Chinh được đặt vào một không gian sống bị bao phủ bởi những giới hạn của mặc cảm quá khứ và quyền uy của người cha tạo nên. Lời nguyền của ông Lư là một đường biên vô hình chi phối đời sống tinh thần của những thành viên trong gia đình "*Và thế là hơn mười năm rồi, cuộc đời cô chỉ với con thuyền và dòng sông. Cô thèm khát được đặt chân lên dải đất mịn màng phù sa. Cô muốn được nằm trên thảm cỏ xanh ven đê làng"* (Nguyễn Quang Thiều, 2011). Hai bờ sông, vì thế, không còn đơn thuần là một không gian địa lí mà trở thành ranh giới, một bên là đời sống bị đóng kín trong sự cấm đoán, một bên là không gian của đời sống tự do. Trong hoàn cảnh ấy, khát vọng được đặt chân lên bờ của Chinh là biểu hiện của khát khao thoát khỏi một đời sống đã được định đoạt và kìm hãm. Khát vọng tự do của Chinh được hình thành từ chính cảm giác tù túng của nhân vật trước đời sống hiện tại. Những hàng hoa cải bên bờ sông trở thành một hình ảnh có tính biểu tượng, chúng hiện diện trước tầm mắt của cô nhưng lại bị ngăn cách bởi sự cấm đoán. Chính nghịch lí ấy làm cho khát vọng của Chinh ngày càng trở nên mãnh liệt, điều đó như một chất xúc tác khiến cô phá vỡ lời nguyền của người cha để được một lần đặt chân đến đôi bờ mà trước đó cô chỉ biết ao ước. Đằng sau hành động phá vỡ lời nguyền là một lời khẳng định về quyền được sống, được yêu và được quyết định tương lai của mình, bởi con người hiện sinh "*nhất quán không theo chuẩn mực nào cả, ngoài chuẩn mực của chính mình*" (Nguyễn Tiến Dũng, 1999). Đặc biệt, khát vọng đưa mộ mẹ lên bờ cũng được xem là một hành động nổi loạn của nhân vật. Chinh không chỉ vượt qua ranh giới vì nhu cầu cá nhân hay vì tình yêu với Thao. Hành động ấy còn cho thấy cô muốn phá bỏ một tình trạng tồn tại mà trong đó người chết cũng bị kìm hãm bởi lời nguyền. Nếu nhìn từ phương diện biểu tượng, hành động đưa mộ mẹ lên bờ có thể được

hiểu như một nỗ lực giải phóng ký ức khỏi sự đóng kín của quá khứ. Chinh không chấp nhận để lời nguyền của cha tiếp tục quyết định đến người còn sống lẫn người đã khuất.

Trong *Đứa con hai dòng họ*, Nguyễn Quang Thiều đã xây dựng câu chuyện tình yêu của Văn và Thảo vào một hoàn cảnh đặc biệt, tình yêu của hai người bị chi phối bởi mối thù truyền đời giữa hai dòng họ, những đồn đoán về lời nguyền và những định kiến đã ăn sâu vào tiềm thức của cả hai dòng họ. Thảo sinh ra trong dòng họ Chánh Hợi và mang trên mình dấu vết của lời nguyền "*không có lưỡi*". Còn Văn thuộc dòng họ cụ Mặc, dòng họ luôn xem mối thù trong quá khứ như một căn cứ để quyết định đời sống của thế hệ sau. Sức nặng của định kiến ấy được thể hiện rõ qua lời cảnh báo của gia đình Văn: "*Còn anh Văn nhớ cho là, anh vác con câm về đây là anh giết cả họ, rồi con cháu sau này câm hết*" (Nguyễn Quang Thiều, 2011). Thảo ở đây không còn được nhìn như một cá nhân bình thường mà bị quy giản thành "con câm", thành hậu duệ của Chánh Hợi. Còn Văn bị buộc phải nhìn tình yêu của mình từ góc nhìn của định kiến dòng họ. Trong hoàn cảnh ấy, Văn vẫn quyết định cưới Thảo. Anh biết lựa chọn ấy có thể dẫn đến xung đột nhưng vẫn chấp nhận hậu quả và quyết định cùng Thảo rời khỏi quê hương sang một nơi ở khác để bảo vệ tình yêu của chính mình. Do đó, hành động của Văn và Thảo có thể được xem là **nổi loạn**. Họ phủ nhận mọi định kiến để được yêu, được lựa chọn và được tạo dựng đời sống cá nhân bởi "*Người hiện sinh nhất quán không theo chuẩn mực nào cả, ngoài chuẩn mực của chính mình*" (Nguyễn Tiến Dũng, 1999).

Nhìn từ hai truyện ngắn trên, con người nổi loạn trong sáng tác của Nguyễn Quang Thiều là quá trình con người ý thức về những giới hạn đang chi phối đời sống và chủ động lựa chọn một khả thể sống khác. Nhân vật Chinh đã vượt qua lời nguyền để khẳng định quyền được sống, được yêu và vượt thoát khỏi sự ám ảnh của quá khứ. Nhân vật Văn và Thảo đã vượt qua định kiến để bảo vệ tình yêu và tự quyết định tương lai của mình. Điểm gặp gỡ giữa các nhân vật là họ không chấp nhận để hoàn cảnh hay những định kiến trở thành yếu tố duy nhất quyết định đời sống cá nhân, "*con người hiện sinh là con người không nhốt mình mãi, nằm lỳ mãi trong một mẫu người đã được khẳng định sẵn. Để được hiện sinh, người ta phải luôn luôn có tham vọng đạt tới cái mà người ta muốn trở thành*" (Nguyễn Tiến Dũng & Bùi Đăng Duy, 2005) . Tuy nhiên, sự nổi loạn ấy không mang tính phủ định tuyệt đối, trái lại, nó luôn gắn với sự khẳng định một giá trị nhân văn là quyền sống, quyền yêu thương, quyền lựa chọn và quyền kiến tạo ý nghĩa cho sự tồn tại của chính mình. Nổi loạn, vì thế trở thành một phương thức để con người từ vị thế bị động chuyển sang vị thế của một chủ thể tự kiến tạo đời sống, qua đó khẳng định giá trị và nhân vị của chính mình.

## 5. KẾT LUẬN

Với nguồn cảm hứng và bút lực dồi dào, Nguyễn Quang Thiều đã khắc họa được những trăn trở và ưu tư của con người hiện sinh như cô đơn, lo âu khi đứng trước sự phi lý của cuộc đời. Mỗi nhân vật đều có những hoàn cảnh cũng như câu chuyện khác nhau nhưng có một điểm chung là trên hành trình hiện sinh, họ đã cảm nhận được nỗi cô đơn tiềm ẩn trong chính cuộc đời của họ. Tuy nhiên, để có thể trở thành một hiện sinh đích thực, con

người phải vươn lên để khẳng định nhân vị độc đáo của chính mình thông qua quá trình nổi loạn. Mỗi nhân vật và mỗi câu chuyện trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Thiều đều cho ta nhận thức về sự tồn tại của con người trong thế giới, từ đó mỗi người sẽ xác quyết và tìm ra ý nghĩa của cuộc sống ngay thời điểm hiện tại.

Bên cạnh đó, việc tiếp cận truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều từ góc nhìn hiện sinh không chỉ góp phần làm sáng tỏ chiều sâu tư tưởng trong sáng tác của nhà văn mà còn giúp độc giả thấy được những dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong sáng tác của tác giả. Từ những kết quả đạt được, có thể thấy rằng, dấu ấn hiện sinh trong truyện ngắn Nguyễn Quang Thiều không chỉ là biểu hiện của một khuynh hướng tư tưởng mà còn là một giá trị thẩm mĩ, góp phần làm phong phú diện mạo văn học Việt Nam đương đại. Đồng thời, nghiên cứu này cũng đặt ra những triển vọng tiếp tục khảo sát sâu hơn về dấu ấn hiện sinh trong các thể loại và các tác giả khác, từ cảm quan hiện sinh góp phần nhận diện đầy đủ hơn bản chất con người trong đời sống văn học Việt Nam nói chung.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đoàn Thị Hạnh (2020). *Dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong Những người đàn bà gánh nước sông của Nguyễn Quang Thiều*. Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh. Tập 49 - Số 2B/2020, tr. 59-67

[2]. Đoàn Thị Hạnh (2022). Dấu ấn nỗi cô đơn hiện sinh qua một số tác phẩm thơ Việt Nam đương đại. Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm.

[3]. Heidegger, M. (1972). *Hữu thể và thời gian, tập 1*.(Trần Công Tiến dịch). NxB Quê Hương.

[4]. Huỳnh Như Phương (2008). *Chủ nghĩa hiện sinh ở miền Nam Việt Nam 1954 - 1975 (trên bình diện lí thuyết)*. Tạp chí Văn học, số 9, tr. 91-103

[5]. Lã Nguyên (2020*). Việt Nam một thế kỉ tiếp nhận tư tưởng văn nghệ nước ngoài*. Nxb Đại học Sư phạm

[6]. Ngô Thị Diệm (2022). Cảm hứng hiện sinh trong sáng tác của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Tạp chí khoa học Trường Đại học Đồng Tháp. Tập 11, số 1, 64-72.

[7]. Nguyễn Tiến Dũng (1999). *Chủ nghĩa hiện sinh: Lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội.

[8]. Nguyễn Tiến Dũng, Bùi Đăng Duy (2005). *Lịch sử triết học phương Tây hiện đại*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

[9]. Nguyễn Minh Tâm (2023). Dấu ấn hiện sinh trong Cõi nhân gian của Nguyễn Phúc Lộc Thành. Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến. Số 9(2), 2023.

[10]. Nguyễn Mạnh Tuyên (2024). Cảm thức cô đơn và nổi loạn trong Lạc Đạn của Trần Thị Ngh. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Tập 13, Số 4, 87-94.

[11]. Nguyễn Quang Thiều (2011). *Truyện ngắn chọn lọc*. Nxb Phụ nữ. Hà Nội.

[12]. Trần Thái Đỉnh (2005). *Triết học hiện sinh*. Nxb Văn học. Hà Nội.

[13]. Trần Nhật Thu (2016). *Cảm thức hiện sinh trong truyện ngắn Việt Nam từ 1986-2000*. Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

[14]. Thomas Flynn (2018). *Chủ nghĩa hiện sinh: Dẫn luận ngắn*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. TP Hồ Chí Minh.

[15]. P. Foulquie (1962). *Chủ nghĩa hiện sinh* (Thụ Nhân dịch). Nxb Thế sự.

[16]. Jean Paul Sartre (2018). *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản* (Đinh Hồng Phúc dịch). Nxb Tri thức. Hà Nội.